

Số: 10 /QĐ - BVCTCH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị
Thuộc dự toán: Mua sắm thuốc năm 2020-2021
Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chính hình

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

Căn cứ Quyết định số 3377/QĐ-SYT ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Chấn thương Chính hình trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 5694/QĐ-SYT ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-BVCTCH ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc phê duyệt dự toán gói thầu: Mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-BVCTCH ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Bên mời thầu Gói thầu mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-BVCTCH ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Tổ thẩm định Gói thầu mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-BVCTCH ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Tổ Chuyên gia Gói thầu mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu

thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021;

Căn cứ quyết định số 1030/QĐ-BVCTCH ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ quyết định số 05/QĐ-BVCTCH ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Bên mời thầu và Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Tổ thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc dự toán Gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét đề nghị của Bên mời thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình với các nội dung như sau:

1. Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình
2. Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị
3. Nguồn vốn: Nguồn từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán, nguồn thu hợp pháp khác
4. Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ
6. Tổng số nhà thầu trúng thầu: 04 nhà thầu
7. Tổng số mặt hàng trúng thầu: 45 mặt hàng
8. Tổng giá trị gói thầu trúng thầu: **14.561.841.767 đồng**
(Số tiền bằng chữ: Mười bốn tỷ năm trăm sáu mươi một triệu tám trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng)
9. Tên nhà thầu, tên hàng hóa và giá trúng thầu: theo danh sách đính kèm
10. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
11. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ Thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá Hồ sơ dự thầu và đề xuất thứ tự xếp hạng nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình có trách nhiệm: đề xuất kết quả lựa chọn nhà thầu; đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu và chuẩn bị nội dung chặt chẽ để hoàn



thiện hợp đồng, hợp đồng phải đảm bảo chất lượng và phải chú ý đến các điều khoản chế tài trong thực hiện hợp đồng. Tham vấn cho Chủ đầu tư ký hợp đồng chính thức với các nhà thầu trúng thầu, tổ chức thực hiện hợp đồng mua sắm hàng hóa theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các phòng ban liên quan khác của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- P.TCKT bệnh viện;
- Kho bạc Nhà nước Quận 5;
- Lưu: VT, KD (PC.10b).

GIÁM ĐỐC



Châu Văn Đính



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

DANH MỤC NHÀ THẦU TRÚNG THẦU
GÓI THẦU THUỐC BIỆT DƯỢC GÓC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ
(kèm Quyết định số .../QĐ-BVCTCH ngày 07/01/2021 của BV Chấn thương Chính hình)

STT	Mã số	Tên nhà thầu	Số mặt hàng trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Địa chỉ	Số điện thoại
1	1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	1	25.005.600	4 Lô A, Trường Sơn, P. 15, Q. 10, TP. HCM	02839 703 696
2	2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	3	471.384.400	23 Đường số 17 KDC Him Lam, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP. HCM	02837 580 071
3	3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	31	12.755.623.869	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Q. 1, TP. HCM	0932 798 069
4	4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	10	1.309.827.898	18L1-2, VSIP II, Đường số 3, KCN VSIP 2, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	02743 815 062
		Tổng cộng:	45	14.561.841.767		

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH
CHAU VĂN ĐÌNH

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU

GÓI THẦU THUỐC BIỆT ĐƯỢC GỐC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ THEO QUYẾT ĐỊNH TRÚNG THẦU SỐ 10 /QĐ-BVCTCH NGÀY 07/01/2021

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ																
1	8	Cefaclor	CECLOR		VN-17626-14	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	ACS Dobfar S.P.A.	Ý	Hộp 1 vỉ x 12 viên	13.892,00	1.800	25.005.600,00
TỔNG CỘNG															1	25.005.600
2 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI																
1	32	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 10% E		VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa: 1,25g; 2,225g; 1,7125g; 1,10g; 1,175g; 1,05g; 0,40g; 1,55g; 2,875g; 0,75g; 2,625g; 3,00g; 1,40g; 1,80g; 1,375g; 0,575g; 0,10g; 0,7145g; 0,09g; 0,61325g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	150.700,00	175	26.372.500,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	33	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 5% E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: 0,625g; 1,1125g; 0,8575g; 0,55g; 0,5875g; 0,525g; 0,20g; 0,775g; 1,4375g; 0,375g; 1,3125g; 1,50g; 0,70; 0,90; 0,6875g; 0,2875g; 0,10g; 0,34025g; 0,035g; 0,61325g; 0,241g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	117.000,00	2.200	257.400.000,00
3	39	Medium-chain Triglycerides + Soybean oil + Omega-3-acid triglycerides	Lipidem		VN-20656-17	(10,0g; 8,0g; 2,0g)/100 ml	Nhũ tương tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	228.795,00	820	187.611.900,00
TỔNG CỘNG														3	471.384.400	
3 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2																
1	1	Adalimumab	Humira Inj 40mg/0.8ml 2's	Humira (Cơ sở xuất xưởng: AbbVie Biotechnology GmbH; Địa chỉ: Knollstrasse 67061 Ludwigshafen, Germany)	QLSP-951-16	40mg/0.8 ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 1 xy lạnh đóng sẵn thuốc và một miếng vải tẩm cồn	Tiêm	Bơm tiêm	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 2 vi x 1 xy lạnh đóng sẵn thuốc và một miếng vải tẩm cồn	11.513.216,00	37	425.988.992,00
2	4	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate) 875mg; Acid Clavulanic (dưới dạng clavulanat potassium) 125mg	Augmentin Tablet 1g 2x7's	Augmentin 1g	VN-20517-17	875 mg; 125mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Anh	Hộp 2 vi x 7 viên	16.680,00	18.275	304.827.000,00

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	6	Bisoprolol fumarate	Concor Cor Tab 2.5mg 3x10's	Concor Cor	VN-18023-14	2,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Merck Healthcare KGaA; CSĐG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	Đức; đóng gói: Áo	Hộp 3 vi x 10 viên	3.147,00	1.020	3.209.940,00
4	7	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic Inj. 50IU/ml 1mlx5's	Miacalcic	VN-17766-14	50IU/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 5 ống x 1ml	87.871,00	180	15.816.780,00
5	9	Cefoperazone (dưới dạng Cefoperazone natri)	Cefobid Inj 1g 1's	Cefobid	VN-21327-18	1g	Bột pha dung dịch tiêm	Lọ 1g	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ 1g	125.699,00	6.520	819.557.480,00
6	11	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat Tab 250mg 10's	Zinnat Tablets 250mg	VN-19963-16	250mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Hộp 1 vi x 10 viên	12.510,00	21.295	266.400.450,00
7	12	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat Tab 500mg 10's	Zinnat Tablets 500mg	VN-20514-17	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Hộp 1 vi x 10 viên	22.130,00	31.382	694.483.660,00
8	14	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH; địa chỉ: Heinrich-Mack-Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Mỹ; đóng gói: Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	11.913,00	99.270	1.182.603.510,00
9	15	Ciprofloxacin lactate	Ciprobay IV Inj 200mg 100ml	Ciprobay 200	VN-14008-11	Ciprofloxacin 200mg/100ml	Dịch truyền	Lọ 100ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 1 lọ 100ml	209.920,00	323	67.804.160,00
10	18	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol)	Sympal Inj 50mg 5x2ml	Sympal	VN2-404-15	50mg/2ml	Dung dịch tiêm chậm, tiêm tĩnh mạch chậm, truyền tĩnh mạch sau khi pha	Hộp 5 ống x 2ml	Tiêm	Ống	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	Hộp 5 ống x 2ml	21.210,00	300	6.363.000,00
11	23	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	Invanz Inj 1g 1's	Invanz	VN-20315-17	1g	Thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp		Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	Lọ	Laboratoire Merck Sharp & Dohme - Chibret	Pháp	Hộp 1 lọ 15ml hoặc 20ml chứa 1g bột	552.421,00	50	27.621.050,00



[Handwritten signature]

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
12	24	Etoricoxib	Arcoxia Tab 120mg 30's	Arcoxia 120mg (Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20808-17	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha; đóng gói và xuất xưởng: Anh	Hộp 3 vi x 10 viên	18.726,00	8.810	164.976.060,00
13	25	Etoricoxib	Arcoxia Tab 60mg 30's	Arcoxia 60mg (Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20809-17	60mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha; đóng gói và xuất xưởng: Anh	Hộp 3 vi x 10 viên	14.222,00	25.150	357.683.300,00
14	26	Etoricoxib	Arcoxia Tab 90mg 30's	Arcoxia 90mg (Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20810-17	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha; đóng gói và xuất xưởng: Anh	Hộp 3 vi x 10 viên	15.645,00	15.950	249.537.750,00
15	28	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH; địa chỉ: Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Mỹ; đóng gói và xuất xưởng: Đức	Hộp 10 vi x 10 viên	11.316,00	82.300	931.306.800,00
16	29	Indapamide	Natrilix SR Tab 1.5mg 3x10's	Natrilix SR	VN-22164-19	1,5mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	3.265,00	125	408.125,00
17	37	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol Inj 500mg 1's	Solu-Medrol	VN-20331-17	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 lọ dung môi 7,8 ml	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bi	Hộp 1 lọ 500mg và 1 lọ dung môi pha tiêm 7,8ml	207.579,00	70	14.530.530,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họat chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
18	38	Methylprednisolone hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol	VN-15107-12	125mg	Bột vô khuẩn pha tiêm	Lọ Act-O-Vial 2 ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	Hộp 25 lọ Act-O-vial 2ml	75.710,00	250	18.927.500,00
19	40	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat Sus Sac 125mg/5 ml 10's	Zinnat Suspension	VN-20513-17	Mỗi gói 4,220g chứa Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 125mg	Cốm pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Hộp 10 gói x 4,220g	15.022,00	120	1.802.640,00
20	43	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri); Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri)	Tazocin Inj 4.5g	Tazocin	VN-20594-17	4g; 0,5g	Bột đông khô pha tiêm		Truyền tĩnh mạch	Lọ	Wyeth Lederle S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ	223.700,00	500	111.850.000,00
21	44	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri chloride	Voluven 6% Sol 500ml Bag 20's	Voluven 6%	VN-19651-16	30g/500ml; 4,5g/500ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi Polyolefine (freeflex 500ml)	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Thùng 20 túi Polyolefine (freeflex) 500ml	110.000,00	100	11.000.000,00
22	45	Pregabalin	Lyrica Cap 75mg 56's	Lyrica	VN-16347-13	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Hộp 4 vỉ x 14 viên	17.685,00	12.550	221.946.750,00
23	46	Rivaroxaban	Xarelto Tab 10mg 10's	Xarelto	VN-21680-19	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 1 vỉ x 10 viên	58.000,00	4.090	237.220.000,00
24	47	Rocuronium bromide	Esmeron 50mg Via 10mg/ml 10's	Esmeron (Đóng gói & xuất xưởng: N.V. Organon, d/c: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Hà Lan)	VN-17751-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ 5ml	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	Siegfried Hameln GmbH	Đức; đóng gói & xuất xưởng: Hà Lan	Hộp 10 lọ x 5ml	104.450,00	880	91.916.000,00
25	48	Ropivacain HCl (dưới dạng Ropivacain HCl monohydrat)	Anaropin Inj. 2mg/ml 20ml 5's	Anaropin	VN-19003-15	2mg/ml	Dung dịch tiêm/truyền quanh dây thần kinh, ngoài màng cứng	Ống tiêm đơn liều 20ml	Tiêm	Ống	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 5 ống tiêm 20ml	63.000,00	3.400	214.200.000,00
26	49	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Dung dịch khí dung		Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmith Kline Australia Pty., Ltd.	Úc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	4.575,00	1.575	7.205.625,00

Handwritten signature 517



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
27	50	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Ventolin Inhaler	VN-18791-15	100mcg/liều u xịt	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình xịt 200 liều	Xịt theo đường miệng	Bình xịt	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt 200 liều	76.379,00	13	992.927,00
28	51	Sevofluran	Sevorane Sol 250ml 1's	Sevorane	VN-20637-17	Mỗi chai 250ml chứa: Sevofluran (100% w/w) 250ml	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Chai 250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Chai	Abbvie S.r.l	Ý	Hộp 1 chai 250ml	3.578.600,00	438	1.567.426.800,00
29	53	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri); Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri)	Unasyn Inj 1500mg 1's	Unasyn	VN-20843-17	0,5g; 1g	Thuốc bột pha tiêm, truyền		Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ	65.999,00	62.360	4.115.697.640,00
30	55	Sultamicillin (dưới dạng Sultamicillin tosylate dihydrate)	Unasyn Tabs 750mg 2x4's	Unasyn	VN-20844-17	750mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 2 vi 4 viên	28.350,00	2.200	62.370.000,00
31	56	Sultamicillin Tosilat	Unasyn Tab 375mg 8's	Unasyn	VN-14306-11	375mg Sultamicillin	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 2 vi x 4 viên	14.790,00	37.860	559.949.400,00
TỔNG CỘNG														31	12.755.623.869	
4 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG																
1	2	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml		VN-20734-17	150mg/3ml	Dung dịch tiêm	Ống 3ml	Tiêm tĩnh mạch	Ống	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 6 ống x 3ml	30.048,00	96	2.884.608,00
2	16	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 110mg	Pradaxa	VN-16443-13	110 mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên nang cứng	30.388,00	6.150	186.886.200,00
3	17	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 75mg	Pradaxa	VN-17271-13	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	30.388,00	7.260	220.616.880,00
4	19	Diclofenac diethylamine	Voltaren Emulgel		VN-17535-13	1,16g/100g gel	Gel bôi ngoài da	Tuýp 20g	Ngoài da	Tuýp	GSK Consumer Healthcare S.A	Thụy Sĩ	Hộp 1 tuýp 20g	63.200,00	128	8.089.600,00
5	20	Diclofenac natri	Voltaren 75mg/3ml		VN-20041-16	75mg/3ml	Dung dịch thuốc tiêm	Ống 3ml	Tiêm	Ống	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 1 vi x 5 ống 3ml	18.066,00	12.485	225.554.010,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
6	21	Enoxaparin Natri	Lovenox		QLSP-892-15	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	89.650,00	1.500	134.475.000,00
7	22	Enoxaparin Natri	Lovenox		QLSP-893-15	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/0,6ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	118.820,00	1.630	193.676.600,00
8	30	Infliximab	Remicade	Remicade (Cơ sở xuất xưởng: Janssen Biologics B.V; Địa chỉ: Einsteinweg 101,2333 CB Leiden, Hà Lan)	QLSP-970-16	100mg	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền		Tiêm	Lọ	Cilag AG (Cơ sở xuất xưởng: Janssen Biologics B.V.)	Thụy Sĩ (xuất xưởng: Hà Lan)	Hộp 1 lọ x100mg	11.818.800,00	26	307.288.800,00
9	31	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate); Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Combivent		VN-19797-16	0,5mg; 2,5mg	Dung dịch khí dung	Lọ 2,5ml	Dạng hít	Lọ	Laboratoire Unither	Pháp	Hộp 10 lọ x 2,5ml	16.074,00	1.300	20.896.200,00
10	57	Teicoplanin	Targosid		VN-19906-16	400mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	Tiêm truyền	Lọ	Sanofi S.p.A	Ý	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	430.000,00	22	9.460.000,00
TỔNG CỘNG														10	1.309.827.898	

Số lượng sản phẩm trúng thầu : 45
Tổng trị giá trúng thầu : 14.561.841.767,00

Ngày 07 Tháng 01 Năm 2021

GIÁM ĐỐC



BS. Châu Văn Đỉnh

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU

GÓI THẦU THUỐC BIỆT DƯỢC GÓC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ THEO QUYẾT ĐỊNH TRÚNG THẦU SỐ 10 /QĐ-BVCTCH NGÀY 07/01/2021

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	1	Adalimumab	Humira Inj 40mg/0.8ml 2's	Humira (Cơ sở xuất xứ: AbbVie Biotechnology GmbH; Địa chỉ: Knollstrasse 67061 Ludwigshafen, Germany)	QLSP-951-16	40mg/0.8ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 1 xy lạnh đóng sẵn thuốc và một miếng vải tẩm cồn	Tiêm	Bơm tiêm	Vetter Pharma Fertigung GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 2 vi x 1 xy lạnh đóng sẵn thuốc và một miếng vải tẩm cồn	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	11.513.216,00	37	425.988.992,00
2	2	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml		VN-20734-17	150mg/3ml	Dung dịch tiêm	Ống 3ml	Tiêm tĩnh mạch	Ống	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 6 ống x 3ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	30.048,00	96	2.884.608,00
3	4	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate) 875mg; Acid Clavulanic (dưới dạng clavulanat potassium) 125mg	Augmentin Tablet 1g 2x7's	Augmentin 1g	VN-20517-17	875 mg; 125mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Anh	Hộp 2 vi x 7 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	16.680,00	18.275	304.827.000,00
4	6	Bisoprolol fumarate	Concor Cor Tab 2.5mg 3x10's	Concor Cor	VN-18023-14	2,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Merck Healthcare KGaA; CSDG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	Đức; Áo	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	3.147,00	1.020	3.209.940,00
5	7	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic Inj. 50IU/ml 1mix5's	Miacalcic	VN-17766-14	50IU/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 5 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	87.871,00	180	15.816.780,00
6	8	Cefaclor	CECLOR		VN-17626-14	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	ACS Dobfar S.P.A.	Ý	Hộp 1 vi x 12 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	13.892,00	1.800	25.005.600,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	9	Cefoperazone (dưới dạng Cefoperazone natri)	Cefobid Inj 1g 1's	Cefobid	VN-21327-18	1g	Bột pha dung dịch tiêm	Lọ 1g	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ 1g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	125.699,00	6.520	819.557.480,00
8	11	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat Tab 250mg 10's	Zinnat Tablets 250mg	VN-19963-16	250mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	12.510,00	21.295	266.400.450,00
9	12	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat Tab 500mg 10's	Zinnat Tablets 500mg	VN-20514-17	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	22.130,00	31.382	694.483.660,00
10	14	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH; địa chỉ: Heinrich-Mack -Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Mỹ; đóng gói: Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	11.913,00	99.270	1.182.603.510,00
11	15	Ciprofloxacin lactate	Ciprobay IV Inj 200mg 100ml	Ciprobay 200	VN-14008-11	Ciprofloxacin 200mg/100ml	Dịch truyền	Lọ 100ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 1 lọ 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	209.920,00	323	67.804.160,00
12	16	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 110mg	Pradaxa	VN-16443-13	110 mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	30.388,00	6.150	186.886.200,00
13	17	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 75mg	Pradaxa	VN-17271-13	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	30.388,00	7.260	220.616.880,00
14	18	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol)	Sympal Inj 50mg 5x2ml	Sympal	VN2-404-15	50mg/2ml	Dung dịch tiêm bắp chậm, tiêm tĩnh mạch chậm, truyền tĩnh mạch sau khi pha	Hộp 5 ống x 2ml	Tiêm	Ống	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	Hộp 5 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	21.210,00	300	6.363.000,00
15	19	Diclofenac diethylamine	Voltaren Emulgel		VN-17535-13	1,16g/100g gel	Gel bôi ngoài da	Tuýp 20g	Ngoài da	Tuýp	GSK Consumer Healthcare S.A	Thụy Sĩ	Hộp 1 tuýp 20g	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	63.200,00	128	8.089.600,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
16	20	Diclofenac natri	Voltaren 75mg/3ml		VN-20041-16	75mg/3ml	Dung dịch thuốc tiêm	Ống 3ml	Tiêm	Ống	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 1 vi x 5 ống 3ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	18.066,00	12.485	225.554.010,00
17	21	Enoxaparin Natri	Lovenox		QLSP-892-15	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	89.650,00	1.500	134.475.000,00
18	22	Enoxaparin Natri	Lovenox		QLSP-893-15	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/0,6ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	118.820,00	1.630	193.676.600,00
19	23	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	Invanz Inj 1g l's	Invanz	VN-20315-17	1g	Thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp		Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	Lọ	Laboratoire Merck Sharp & Dohme - Chibret	Pháp	Hộp 1 lọ 15ml hoặc 20ml chứa 1g bột	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	552.421,00	50	27.621.050,00
20	24	Etoricoxib	Arcoxia Tab 120mg 30's	Arcoxia 120mg (Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20808-17	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha; đóng gói và xuất xưởng: Anh	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	18.726,00	8.810	164.976.060,00



mm

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
21	25	Etoricoxib	Arcoxia Tab 60mg 30's	Arcoxia 60mg (Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20809-17	60mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha; đóng gói và xuất xưởng: Anh	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	14.222,00	25.150	357.683.300,00
22	26	Etoricoxib	Arcoxia Tab 90mg 30's	Arcoxia 90mg (Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20810-17	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha; đóng gói và xuất xưởng: Anh	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	15.645,00	15.950	249.537.750,00
23	28	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH; địa chỉ: Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Mỹ; đóng gói và xuất xưởng: Đức	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	11.316,00	82.300	931.306.800,00
24	29	Indapamide	Natrilix SR Tab 1.5mg 3x10's	Natrilix SR	VN-22164-19	1,5mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	3.265,00	125	408.125,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
25	30	Infliximab	Remicade	Remicade (Cơ sở xuất xứ: Janssen Biologics B.V; Địa chỉ: Einsteinweg 101,2333 CB Leiden, Hà Lan)	QLSP-970-16	100mg	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền		Tiêm	Lọ	Cilag AG (Cơ sở xuất xứ: Janssen Biologics B.V.)	Thụy Sĩ (xuất xứ: Hà Lan)	Hộp 1 lọ x100mg	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	11.818.800,00	26	307.288.800,00
26	31	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate); Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Combivent		VN-19797-16	0,5mg; 2,5mg	Dung dịch khí dung	Lọ 2,5ml	Dạng hít	Lọ	Laboratoire Unither	Pháp	Hộp 10 lọ x 2,5ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	16.074,00	1.300	20.896.200,00
27	32	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 10% E		VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa: 1,25g; 2,225g; 1,7125g; 1,10g; 1,175g; 1,05g; 0,40g; 1,55g; 2,875g; 0,75g; 2,625g; 3,00g; 1,40g; 1,80g; 1,375g; 0,575g; 0,10g; 0,7145g; 0,09g; 0,61325g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	150.700,00	175	26.372.500,00

PHỐ
I VIỆN
CHỨC
I HÌN
H

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
28	33	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 5% E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: 0,625g; 1,1125g; 0,8575g; 0,55g; 0,5875g; 0,525g; 0,20g; 0,775g; 1,4375g; 0,375g; 1,3125g; 1,50g; 0,70; 0,90; 0,6875g; 0,2875g; 0,10g; 0,34025g; 0,035g; 0,61325g; 0,241g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	117.000,00	2.200	257.400.000,00
29	37	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol Inj 500mg 1's	Solu-Medrol	VN-20331-17	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 lọ dung môi 7,8 ml	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	Hộp 1 lọ 500mg và 1 lọ dung môi pha tiêm 7,8ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	207.579,00	70	14.530.530,00
30	38	Methylprednisolon e hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol	VN-15107-12	125mg Methylprednisolon	Bột vô khuẩn pha tiêm	Lọ Act-O-Vial 2 ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	Hộp 25 lọ Act-O-vial 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	75.710,00	250	18.927.500,00
31	39	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean oil + Omega-3-acid triglycerides	Lipidem		VN-20656-17	(10,0g; 8,0g; 2,0g)/100 ml	Nhũ tương tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	228.795,00	820	187.611.900,00
32	40	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat Sus Sac 125mg/5 ml 10's	Zinnat Suspension	VN-20513-17	Mỗi gói 4,220g chứa Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 125mg	Cốm pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Hộp 10 gói x 4,220g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	15.022,00	120	1.802.640,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
33	43	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri); Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri)	Tazocin Inj 4.5g	Tazocin	VN-20594-17	4g; 0,5g	Bột đông khô pha tiêm		Truyền tĩnh mạch	Lọ	Wyeth Lederle S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	223.700,00	500	111.850.000,00
34	44	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri chloride	Voluven 6% Sol 500ml Bag 20's	Voluven 6%	VN-19651-16	30g/500ml; 4,5g/500ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi Polyolefine (freeflex 500ml)	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Thùng 20 túi Polyolefine (freeflex) 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	110.000,00	100	11.000.000,00
35	45	Pregabalin	Lyrica Cap 75mg 56's	Lyrica	VN-16347-13	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Hộp 4 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	17.685,00	12.550	221.946.750,00
36	46	Rivaroxaban	Xarelto Tab 10mg 10's	Xarelto	VN-21680-19	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	58.000,00	4.090	237.220.000,00
37	47	Rocuronium bromide	Esmeron 50mg Vial 10mg/ml 10's	Esmeron (Đóng gói & xuất xưởng: N.V. Organon, d/c: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Hà Lan)	VN-17751-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ 5ml	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	Siegfried Hameln GmbH	Đức; đóng gói & xuất xưởng: Hà Lan	Hộp 10 lọ x 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	104.450,00	880	91.916.000,00
38	48	Ropivacain HCl (dưới dạng Ropivacain HCl monohydrat)	Anaropin Inj. 2mg/ml 20ml 5's	Anaropin	VN-19003-15	2mg/ml	Dung dịch tiêm/truyền quanh dây thần kinh, ngoài màng cứng	Ống tiêm đơn liều 20ml	Tiêm	Ống	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 5 ống tiêm 20ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	63.000,00	3.400	214.200.000,00
39	49	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Dung dịch khí dung		Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmith Kline Australia Pty., Ltd.	Úc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	4.575,00	1.575	7.205.625,00
40	50	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Ventolin Inhaler	VN-18791-15	100mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình xịt 200 liều	Xịt theo đường miệng	Bình xịt	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt 200 liều	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	76.379,00	13	992.927,00



Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
41	51	Sevofluran	Sevorane Sol 250ml 1's	Sevorane	VN-20637-17	Mỗi chai 250ml chứa: Sevofluran (100% w/w) 250ml	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Chai 250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Chai	Abbvie S.r.l	Ý	Hộp 1 chai 250ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	3.578.600,00	438	1.567.426.800,00
42	53	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri); Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri)	Unasyn Inj 1500mg 1's	Unasyn	VN-20843-17	0,5g; 1g	Thuốc bột pha tiêm, truyền		Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	65.999,00	62.360	4.115.697.640,00
43	55	Sultamicillin (dưới dạng Sultamicillin tosylate dihydrate)	Unasyn Tabs 750mg 2x4's	Unasyn	VN-20844-17	750mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 2 vỉ 4 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	28.350,00	2.200	62.370.000,00
44	56	Sultamicillin Tosilat	Unasyn Tab 375mg 8's	Unasyn	VN-14306-11	375mg Sultamicillin	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 2 vỉ x 4 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	14.790,00	37.860	559.949.400,00
45	57	Teicoplanin	Targosid		VN-19906-16	400mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	Tiêm truyền	Lọ	Sanofi S.p.A	Ý	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	430.000,00	22	9.460.000,00
TỔNG CỘNG															45	14.561.841.767	

Ngày 07 Tháng 01 Năm 2021

GIÁM ĐỐC



BS. Châu Văn Định